TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 21**/2022/DS-ST
Ngày 10/3/2022
V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Bá L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu vực Thới T1, phường Thới Th, quận TN, thành phố CT (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khóm HT, phường Mỹ Th, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Phần trình bày của nguyên đơn ông Đặng Bá L thể hiện nội dung:* Vào tháng 01/2019, ông Đặng Bá L có cho bà Nguyễn Thị Bé T vay số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng)* để làm vốn làm ăn, trong vòng 06 tháng sẽ trả đủ cho ông L số tiền gốc và không lãi suất nhưng đến hạn trả thì bà Bé T không có khả năng thanh toán nên đã yêu cầu ông L cho trả góp

vì làm ăn thua lỗ. Ông L đã đồng ý và cho bà Bé T làm giấy nhận nợ vào ngày 28/11/2019 ghi rõ số tiền thanh toán là mỗi tháng trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng)* trong vòng 22 tháng nếu tháng nào thanh toán thêm 01 tháng thì sẽ giảm 5.000.000 đồng vào số tiền gốc nhưng bà Bé T vẫn không trả đúng theo giấy nhận nợ đã ký.

Vào ngày 29/6/2020, bà Bé T hỏi ông L vay thêm số tiền là 53.000.000 đồng (*Năm mười ba triệu đồng)* mỗi tháng sẽ trả thêm 3.000.000 đồng để làm ăn mới có khả năng thanh toán 02 khoản nợ nên ông L đã đồng ý. Đến hạn vẫn không thấy bà Bé T thanh toán và cũng không còn gặp mặt hay liên lạc gì được. Ông L có ghé nhà hỏi thăm thì được người nhà cho biết bà Bé T đã bỏ đi và không ai liên lạc được.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả lại số tiền là 273.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng)* và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông L xác định chỉ yêu cầu bà Bé T có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), rút lại không yêu cầu số tiền vốn vay 123.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/11/2019 và ngày 29/6/2020 không yêu cầu bà Bé T trả cho ông.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T vắng mặt không có ý kiến trình bày*

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Bá L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay 123.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/11/2019 và ngày 29/6/2020; Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) cho ông Đặng Bá L. Không tính lãi.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 123.000.000 đồng do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà Bé T vẫn không tham dự phiên

tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Đặng Bá L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*) tại giấy nhận nợ ngày 28/11/2019 và ngày 29/6/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là sự tự nguyện và không trái quy định nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn vay 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*)

[2] *Về thẩm quyền:* Ông Đặng Bá L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé T phải có nghĩa vụ trả tiền vốn vay là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* theo các giấy nhận nợ và không yêu cầu tính lãi suất đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn ông Đặng Bá L cung cấp bản chính giấy nhận nợ ngày 29/6/2020 và giấy nhận nợ ngày 28/11/2019, do bà Nguyễn Thị Bé T ký tên thể hiện việc vay tiền của ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa hai bên có thỏa thuận việc vay tài sản là tiền, thỏa thuận của hai bên xuất phát từ việc tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Bá L xác định tổng cộng số tiền bà Bé T vay hai đợt là 273.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng)*, cụ thể theo Giấy nhận nợ ngày 28/11/2019 vay số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng)*,Giấy nhận nợ ngày 29/6/2020 vay số tiền là 53.000.000 đồng (*Năm mười ba triệu đồng)*. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Bé T nhưng bà Bé T không có ý kiến cũng như không đến Tòa án.

[3.2] Nguyên đơn ông Đặng Bá L trình bày và cung cấp tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử căn cứ biên bản xác minh tình trạng cư trú của Công an phường Mỹ Thạnh ngày 01/7/2021, xác nhận với nội dung bà Nguyễn Thị Bé T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nên việc bà Bé T không đến Tòa án là từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3] Trong quá trình hai bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị Bé T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm

2015 nên việc ông L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả nợ số tiền vốn vay là có cơ sở nên được chấp nhận. Nguyên đơn ông L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* cho ông Đặng Bá L.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

[4.1] Yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Bá L được chấp nhận nên ông L được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4.2] Bà Nguyễn Thị Bé T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Bá L đối với bà Nguyễn Thị Bé T

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Bá L số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)* theo giấy nhận nợ ngày 28/11/2019 và giấy nhận nợ ngày 29/6/2020.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Bá L đối với số tiền vốn vay 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*) theo giấy nhận nợ ngày 28/11/2019 và giấy nhận nợ ngày 29/6/2020.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Đặng Bá L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.825.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000488 ngày 11/6/2021 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3.2. Bà Nguyễn Thị Bé T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy